

# KẾ HOẠCH PHÂN BỐ CÁC MÔN HỌC, MÔ-ĐUN CHO TỪNG HỌC KỲ

Trình độ đào tạo: cao đẳng liên thông  
Tên ngành: Tài chính Doanh nghiệp

**HỌC KỲ 1**  
(16 Tín chỉ)

|                                                      |
|------------------------------------------------------|
| Tiếng Anh<br>MH3207260, 2(1,1)                       |
| Tin học<br>MH3201260, 1(0,1)                         |
| Giáo dục chính trị<br>MH3208021, 3(3,0)              |
| Kinh tế vĩ mô<br>MH3042624, 2(1,1)                   |
| Marketing thương mại điện tử<br>MH3042629, 2(1,1)    |
| Tài chính doanh nghiệp hiện đại<br>MH3242606, 2(1,1) |
| Thanh toán quốc tế<br>MH3042630, 2(1,1)              |
| Thẩm định dự án<br>MH3242608, 2(1,1)                 |

Mã ngành: 6340201

**HỌC KỲ 2**  
(15 Tín chỉ)

|                                                     |
|-----------------------------------------------------|
| Giáo dục thể chất<br>MH3209106, 1(0,1)              |
| Giáo dục quốc phòng và an ninh<br>MH3209022, 1(0,1) |
| Pháp luật<br>MH3208104, 1(1,0)                      |
| Đầu tư tài chính<br>MH3042634, 2(1,1)               |
| Kế toán tài chính mở rộng<br>MH3042638, 3(2,1)      |

Tự chọn 5 TC

Mô hình tài chính  
MH3042640, 3(2,1)

Tài chính công  
MH3042637, 2(1,1)

Quản lý danh mục đầu tư  
MH3042636, 2(1,1)

Khởi tạo doanh nghiệp  
MH3042639, 2(1,1)

Tiếng Anh chuyên ngành tài chính  
MH3042642, 2(1,1)

Thực tập tốt nghiệp  
MH3242607, 2(0,2)

**KI-HIỆU TRƯỞNG**  
**PHO-HIỆU TRƯỞNG**

**L. TRƯỞNG PHÒNG**  
**QLĐT & NCKH**

**L. TRƯỞNG KHOA**



*Nguyễn Lưu Minh Triết*  
Nguyễn Lưu Minh Triết

*Như*

*Như*

*Đan Văn Thanh Cần*